TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 17-3-2022
V/v Tranh chấp dân sự
về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh.

2. Bà Nguyễn Thị Thiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Son – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Minh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950; địa chỉ: tổ 9, ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T.

Đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Lâm Q, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp R, xã T, huyện G, tỉnh T; địa chỉ tạm trú: khu phố Nội ô A, thị trấn G, huyện G, tỉnh T (theo văn bản ủy quyền ngày 20-7-2020); có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đàm Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố L, phường L1, thị xã T1, huyện T1, tỉnh T; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Đàm Văn Y, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T2, xã T3, huyện D, tỉnh T; có đơn xin vắng mặt.

3.2. Anh Đàm Ngọc T4, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T; có đơn xin vắng mặt.

3.3. Chị Đàm Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: khu phố L, phường L1, thị xã T1, huyện T1, tỉnh T; có đơn xin vắng mặt.

3.4. Anh Đàm Văn C, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp T5, xã ĐT, huyện T1, tỉnh T; có đơn xin vắng mặt.

3.5. Anh Đàm Quốc L1, sinh năm 1990; có đơn xin vắng mặt.

3.6. Chị Đàm Thị Ngọc B1, sinh năm 1993; có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền củ nguY đơn, anh Nguyễn Lâm Q trình bày:*

Cha mẹ chồng của bà Đ tên Đàm Văn Năng (chết năm 1990), bà Ngô Thị Thêu (chết năm 1996). Chồng bà Đ tên Đàm Văn Khéo (chết năm 2019). Bà Đ, ông Khéo có tất cả 09 người con: Đàm Văn Biệt (chết lúc nhỏ, không vợ con), Đàm Thị M, Đàm Văn Phương (chết lúc nhỏ, không vợ con), Đàm Văn Y, Đàm Ngọc T4, Đàm Thị H, Đàm Văn C, Đàm Quốc L1, Đàm Thị Ngọc B1. Quá trình chung sống, vợ chồng bà Đ tạo lập được phần đất có diện tích 19.070 m^2, gồm các thửa 80, 81, 82, 83, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, tờ bản đồ số 2 và thửa 776 tờ bản đồ số 1, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01903 QSDĐ/280/QĐ-UB(H) ngày 25-8-1998 do UBND huyện G cấp giấy cho ông Khéo đứng tên. Chồng bà Đ chết không để lại di chúc. Bà Đ và các con thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, tất cả đều đồng ý trừ Đàm Thị M. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế 02 phần đất, chia mỗi phần làm 02 phần, phần của bà Đ thì bà Đ được hưởng, phần của ông Khéo chia đều cho bà Đ và 07 người con, cụ thể 02 phần đất sau:

- Phần thứ nhất: Diện tích 3.380 m^2, thuộc thửa 449, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T. Trên đất có 04 cây sầu riêng trồng năm 2018, 01 cây mận trồng năm 2018, 85 cây nhãn trồng năm 2013. Cây trái trên đất là do ông Khéo, bà Đ trồng.

- Phần thứ hai: Diện tích 1.582,8 m^2, thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T. Trên đất 08 cây sầu riêng trồng năm 2018, 18 cây sầu riêng trồng năm 2019, 02 cây măng cục trồng 2018, 02 cây chôm chôm trồng năm 2018, 01 bụi chuối, 03 cây dừa trồng tháng 7-2020. Cây trái trên đất do Đàm Thị Ngọc B1 trồng.

Cả 02 phần đất tranh chấp đều do ông Đàm Văn Khéo đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được cấp ngày 25-8-1998.

Bà Đ yêu cầu được nhận đất, đồng ý thanh toán lại giá trị cho chị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Nguyễn Lâm Q rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 1.933,2 m^2, thuộc thửa 82, 84, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T và 01 phần diện tích 75,8 m^2, nằm trong tổng diện tích 3.380 m^2, thuộc thửa 449, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T.

* *Bị đơn chị Đàm Thị M trình bày*: Chị thống nhất với nguồn gốc phần đất tranh chấp như đại diện theo ủy quyền của nguY đơn trình bày. Vợ chồng chị có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của cha mẹ, cụ thể: Ngày 10-12-2002, chị có nhận chuyển nhượng của ông Khéo, bà Đ ngang 15 m x dài hết đất, giá 10 chỉ vàng 24K; ngày 10-3-2012, vợ chồng có nhận chuyển nhượng của cha mẹ phần đất có chiều ngang 5 m x dài hết đất giá 40.000.000 đồng + 01 đường xe có 2 hàng trúc ngang 03 m, x dài hết đất giá 15.000.000 đồng, tổng cộng là 55.000.000 đồng. Cả 02 phần đất này, vợ chồng chị đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cùng thời điểm năm 2012, cha mẹ chị có cho các anh em còn lại một phần đất đồng có chiều ngang 08 m x dài hết đất và 25 cao đất ruộng, anh em đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm với vợ chồng chị. Chị chỉ nhận chuyển nhượng đất của cha mẹ chứ chưa được cha mẹ cho phần đất nào khác. Nay bà Đ khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần tài sản của ông Khéo chết để lại, chị đồng ý, nhưng chị xin được hưởng phần đất đồng có chiều ngang 8 m x dài hết đất, như cha mẹ đã cho các anh em khác, không đồng ý thanh toán lại giá trị. Phần tài sản còn lại, chị xin nhường lại cho bà Nguyễn Thị Đ.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- *Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 09-11-2020, anh Đàm Văn Y trình bày*: Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng ý chia đều tài sản của ông Khéo cho bà Đ và 07 người con. Riêng phần của anh được nhận, anh nhường lại cho bà Đ được hưởng.

- *Tại bản tự khai ngày 09-11-2020, anh Đàm Ngọc T4 trình bày*: Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng ý chia đều tài sản của ông Khéo cho bà Đ và 07 người con. Riêng phần của anh được nhận, anh nhường lại cho bà Đ được hưởng.

- *Tại bản tự khai ngày 09-11-2020, anh Đàm Văn C trình bày*: Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng ý chia đều tài sản của ông Khéo cho

bà Đ và 07 người con. Riêng phần của anh được nhận, anh nhường lại cho bà Đ được hưởng.

- *Tại bản tự khai ngày 09-11-2020, anh Đàm Quốc L1 trình bày*: Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng ý chia đều tài sản của ông Khéo cho bà Đ và 07 người con. Riêng phần của anh được nhận, anh nhường lại cho bà Đ được hưởng.

- *Tại bản tự khai ngày 09-11-2020, chị Đàm Thị H trình bày*: Chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng ý chia đều tài sản của ông Khéo cho bà Đ và 07 người con. Riêng phần của chị được nhận, anh nhường lại cho bà Đ được hưởng.

- *Chị Đàm Thị Ngọc B1 trình bày*: Chị thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Đ, đồng ý chia đều tài sản của ông Khéo cho bà Đ và 07 người con. Riêng phần của chị được nhận, anh nhường lại cho bà Đ được hưởng. Đối với phần cây trái trồng trên phần đất diện tích 1.582,8 m^2 là do chị trồng, nay chị đồng ý giao toàn bộ cây trái trên phần đất này cho bà Đ được hưởng. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ, chia đều phần tài sản của ông Khéo cho bà Đ và 07 người con, mỗi người được hưởng 01 phần bằng nhau. Đình chỉ 01 phần yêu cầu của bà Đ đối với diện tích 1.933,2 m^2, thuộc thửa 82, 84, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T và 01 phần diện tích 75,8 m^2, nằm trong tổng diện tích 3.380 m^2, thuộc thửa 449, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu chị Đàm Thị M chia di sản thừa kế là 02 phần đất của ông Đàm Văn Khéo chết để lại cho bà Đ và 07 người con. Cả hai phần đất tranh chấp đều tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 5

Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh T.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Đàm Văn Y, anh Đàm Ngọc T4, chị Đàm Thị H, anh Đàm Văn C, anh Đàm Quốc L1 có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[1.3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần đất có diện tích 1.933,2 m^2, thuộc thửa 82, 84, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T và 01 phần diện tích 75,8 m^2, nằm trong tổng diện tích 3.380 m^2, thuộc thửa 449, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T, nên căn cứ theo quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Đàm Văn Khéo chết năm 2019, nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế vẫn còn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hàng thừa kế: mẹ của ông Khéo là cụ Đàm Văn Năng (chết năm 1990), cụ Ngô Thị Thêu (chết năm 1996). Do đó, hàng thừa kế thứ nhất của ông Khéo bao gồm: bà Đặc và 07 người con là: Đàm Thị M, Đàm Văn Y, Đàm Ngọc Trí, Đàm Thị Hóa, Đàm Văn C, Đàm Quốc Lích, Đàm Thị Ngọc Bé.

[2.2] Về di sản thừa kế: bà Đặc yêu cầu chia di sản của ông Khéo chết để lại bao gồm: phần đất có diện tích 3.304,2 m^2, thuộc thửa số 448, tờ bản đồ 17 (BĐ VN2000), tọa lạc tại ấp 6, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh T, trên đất có trồng 04 cây sầu riêng, 01 cây mận, 85 cây nhãn và phần đất có diện tích 1.582,8 m, thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 7 (BĐ VN 2000), tọa lạc tại ấp 6, xã Bàu Đồn, huyện Gò Dầu, tỉnh T, cả 02 phần đất trên đều do ông Đàm Văn Khéo đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các đương sự đều thống nhất: cả hai phần đất này đều là tài sản chung của ông Khéo, bà Đặc. Ông Khéo chết không để lại di chúc. Do đó, ½ tài sản nói trên là di sản của ông Khéo, ½ tài sản còn lại là của bà Đặc. Riêng đối với cây trái trên phần đất diện tích 1.582,8 m^2 là của chị Đàm Thị Ngọc B1 trồng nên không phải là tài sản chung của ông Khéo, bà Đặc. Như vậy, giá trị tài sản của ông Khéo, bà Đặc tạo lập được: Phần đất diện tích 3.304,2 m^2 có trị giá 1.387.764.000 đồng, cây trái trên đất có trị giá 62.940.000 đồng; phần đất diện tích 1.582,8 m^2 có trị giá 237.420.000 đồng; tổng giá trị tài sản của ông Khéo, bà Đặc là 1.688.124.000 đồng. Như vậy, trị giá tài sản của ông Khéo chết để lại là 1.688.124.000/2 = 844.062.000 đồng.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày cha mẹ đã cho đất các anh em khác, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, riêng chị

không được cho mà do chị sang nhượng của ông Khéo, bà Đặc và Cng cấp 02 giấy tay sang nhượng ngày 10-12-2002 và 10-3-2012. Xét thấy, cả hai giấy tay này chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M, anh Phước (chồng chị M) thể hiện: ông Khéo, bà Đặc đã tặng cho phần đất có diện tích 2035,4 m^2 cho vợ chồng anh Phước, chị M. Nên lời trình bày của chị M là không có cơ sở chấp nhận. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M yêu cầu được nhận phần đất có chiều ngang 08 m và không đồng ý thanh toán lại cho các thừa kế còn lại, thấy rằng: Ông Khéo chết không để lại di chúc, nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự, phần tài sản của ông Khéo sẽ được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất, bao gồm: bà M và 07 người con, chị M chỉ nhận được 1/8 tài sản của ông Khéo để lại, nên việc chia tài sản cho chị M là hiện vật (đất) sẽ không đủ điều kiện tách giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M. Hơn nữa, cả hai phần đất này đều do bà Đặc đang quản lý, sử dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao toàn bộ 02 phần đất và cây trái trên đất cho bà Đặc được tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp, bà Đặc có trách nhiệm thanh toán lại giá trị cho các thừa kế còn lại. Cụ thể: 01 suất thừa kế có trị giá: 884.062.000/8 = 105.507.750 đồng.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, các con bà Đặc là Đàm Văn Y, Đàm Ngọc Trí, Đàm Thị Hóa, Đàm Văn C, Đàm Quốc Lích, Đàm Thị Ngọc Bé đồng ý chia đều tài sản của ông Khéo theo quy định của pháp luật nhưng nhường phần tài sản được hưởng cho bà Đặc nên cần ghi nhận. Đối với cây trái trên phần đất diện tích 1.582,8 m^2 của chị Ngọc Bé, chị Ngọc Bé đồng ý giao toàn bộ cây trái trên đất cho bà Đặc nên cần ghi nhận.

[3] Do đó, từ những định nêu trên, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặc, giao 02 phần đất: diện tích 3.304,2 m^2, phần đất diện tích 1.582,8 m^2 và toàn bộ cây trái trên 02 phần đất cho bà Đặc tiếp tục quản lý, sử dụng. Bà Đặc có trách nhiệm thanh toán lại cho chị M số tiền 105.507.750 (một trăm linh năm triệu, năm trăm linh bảy ngàn, bảy trăm năm mươi) đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện G phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Đ, chị Đàm Thị M, anh Đàm Văn Y, anh Đàm Ngọc Trí, chị Đàm Thị Hóa, anh Đàm Văn C, anh Đàm Quốc Lích, chị Đàm Thị Ngọc Bé, mỗi người phải chịu 875.000 (tám trăm, bảy mươi lăm ngàn) đồng tiền chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị Đ đã tạm ứng xong, nên buộc chị M, anh Y, anh T4, chị H, anh C, anh L1, chị B1, mỗi người hoàn trả lại cho bà Đ số tiền 875.000 (tám trăm, bảy mươi lăm ngàn) đồng.

[6] *Về án phí:* Căn cứ theo quy định tại Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Đàm Văn Y, anh Đàm Ngọc Trí, chị Đàm Thị Hóa, anh Đàm Văn C, anh

Đàm Quốc Lích, chị Đàm Thị Ngọc Bé, chị Đàm Thị M, mỗi người được hưởng phần thừa kế bằng nhau, có giá trị 105.507.750 (một trăm linh năm triệu, năm trăm linh bảy ngàn, bảy trăm năm mươi) đồng, nên mỗi người phải chịu 5.275.000 (năm triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 611, 612, 613, khoản 1 Điều 623, Điều 649, khoản 1, 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ đối với chị Đàm Thị M về việc "Tranh chấp dân sự về thừa kế tài sản".

1.1. Bà Nguyễn Thị Đ được quyền quản lý, sử dụng 02 phần đất sau:

- Phần đất thứ nhất: diện tích 3.304,2 m^2, thuộc thửa số 448, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T, do ông Đàm Văn Khéo đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có tứ cận cụ thể như sau:

Đông giáp thửa 439 dài 94,97m;

Tây giáp thửa 449 dài 52,25 m + 45,57m;

Nam giáp thửa 54 dài 35,59m;

Bắc giáp đường đất dài 33,39m.

Trên đất có 04 cây sầu riêng trồng năm 2018, 01 cây mận trồng năm 2018, 85 cây nhãn trồng năm 2013.

- Phần đất thứ hai: diện tích 1.582,8 m^2, thuộc thửa 213, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T, do ông Đàm Văn Khéo đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; có tứ cận cụ thể như sau:

Đông giáp thửa 212 dài 102,13m;

Tây giáp thửa 95 dài 67,60 m + 37,36m;

Nam giáp kênh thủy lợi dài 15,47 m;

Bắc giáp thửa 84 dài 15,20m.

Trên đất có 08 cây sầu riêng trồng năm 2018, 18 cây sầu riêng trồng năm 2019, 02 cây măng cục trồng 2018, 02 cây chôm chôm trồng năm 2018, 01 bụi chuối, 03 cây dừa trồng tháng 7-2020.

1.2. Bà Nguyễn Thị Đ có trách nhiệm thanh toán lại cho chị Đàm Thị M số tiền 105.507.750 (một trăm linh năm triệu, năm trăm linh bảy ngàn, bảy trăm năm mươi) đồng.

2. Đình chỉ 01 phần yêu cầu của bà Đ đối với diện tích 1.933,2 m^2, thuộc thửa 82, 84, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T và 01 phần diện tích 75,8 m^2, nằm trong tổng diện tích 3.380 m^2, thuộc thửa 449, tờ bản đồ số 17, tọa lạc tại ấp 6, xã B, huyện G, tỉnh T.

3. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản:

Buộc chị Đàm Thị M, anh Đàm Văn Y, anh Đàm Ngọc Trí, chị Đàm Thị Hóa, anh Đàm Văn C, anh Đàm Quốc Lích, chị Đàm Thị Ngọc Bé, mỗi người hoàn trả lại cho bà Đ số tiền 875.000 (tám trăm, bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Đ được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đàm Văn Y, anh Đàm Ngọc Trí, chị Đàm Thị Hóa, anh Đàm Văn C, anh Đàm Quốc Lích, chị Đàm Thị Ngọc Bé, chị Đàm Thị M, mỗi người phải chịu 5.275.000 (năm triệu, hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Nguyện

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**